

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Quyết định số 555-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 08/09/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

1. Thông tin chung

- [1] Tên chương trình: CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH
- [2] Trình độ đào tạo: **Đại học**
- [3] Ngành đào tạo: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
- [4] Mã ngành đào tạo: **[7340101]**
- [5] Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- [6] Khóa học: 2025 - 2029
- [7] Tên Khoa: Khoa Quản trị Kinh doanh
- [8] Trường cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [9] Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [10] Tổ chức kiểm định chương trình: Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2022 – 2027 theo Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục số 043/CEAHCM-CT ngày 04/04/2022 do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh cấp.

2. Mục tiêu đào tạo

[1] Mục tiêu đào tạo

- + Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị Kinh doanh cung cấp kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản trị, tài chính, marketing, chuỗi cung ứng và cùng những kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.
- + Nội dung chương trình theo hướng ứng dụng, chú trọng kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm nhằm giúp người học thích nghi với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Từ đó, có được năng lực và phẩm chất cần thiết, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội để làm việc hiệu quả và có khả năng tham gia quản lý doanh nghiệp.
- + Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc ở doanh nghiệp, công ty, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu, tài chính, ngân hàng, bất động sản, logistic. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp còn có thể xây dựng và tự làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ.

[2] Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR CTĐT)

Kiến thức:

- + CĐR_A.01: Hiểu và giải thích được các kiến thức cơ bản về triết học, kinh tế, văn hóa lý luận chính trị và pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh quản lý.
- + CĐR_A.02: Giải thích các kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động: kinh doanh, tài chính, marketing, sản xuất, chuỗi cung ứng và nhân lực của doanh nghiệp.

- + CĐR_A.03: Áp dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị chuỗi cung ứng để định hướng chiến lược và lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp.
- + CĐR_A.04: Vận dụng các chức năng quản trị vào hoạt động kinh doanh như điều hành sản xuất và chuỗi cung ứng, tổ chức nhân lực, tiếp thị sản phẩm, tài chính – kế toán để quản trị doanh nghiệp và giải quyết những tình huống kinh doanh trong thực tế.

Kỹ năng

- + CĐR_B.01: Ứng dụng các kỹ năng làm việc cơ bản: giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và tự học để thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Tư duy và giải quyết vấn đề trên tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.
- + CĐR_B.02: Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể:
 - Sử dụng tiếng Anh một cách tự tin để ứng xử với các tình huống thông thường.
 - Có thể đọc, hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay một bài phát biểu chuẩn mực.
 - Có thể viết một đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và làm việc.
- + CĐR_B.03: Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được phần mềm thống kê chuyên ngành nhằm phân tích, xử lý thông tin, tận dụng cơ hội và ra quyết định kịp thời.

Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- + CĐR_C.01: Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin chủ động sáng tạo, tính kỷ luật cao, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết và có trách nhiệm xã hội, chấp hành nghiêm pháp luật của nhà nước.
- + CĐR_C.02: Biểu lộ tinh thần hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và đối tác trong công việc.

[3] Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc tại các tổ chức, doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực:

- + Doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu: chuyên viên kinh doanh, chuyên viên marketing, nhân sự, tài chính, kế toán, quản lý dự án.
- + Tài chính – ngân hàng – bất động sản: chuyên viên phân tích tài chính, giao dịch viên ngân hàng, tư vấn đầu tư, môi giới bất động sản.
- + Logistics và quản lý chuỗi cung ứng: nhân viên quản lý đơn hàng, quản lý kho vận, điều phối logistics.
- + Khởi nghiệp và tự kinh doanh: xây dựng và quản lý doanh nghiệp nhỏ, cơ sở dịch vụ hoặc công ty khởi nghiệp.
- + Đào tạo và nghiên cứu: Tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia giảng dạy, nghiên cứu ở các trường đại học, viện nghiên cứu, hoặc làm tư vấn quản trị cho doanh nghiệp.

[4] Triển vọng nghề nghiệp

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, nhu cầu nhân lực ngành Quản trị Kinh doanh ngày càng tăng cao. Triển vọng phát triển nghề nghiệp được đánh giá rất rộng mở:

- + Ngắn hạn (1–3 năm sau khi tốt nghiệp): Sinh viên tốt nghiệp thường bắt đầu với vị trí nhân viên, chuyên viên kinh doanh, marketing, nhân sự, tài chính, logistics... Đây là giai đoạn tích lũy kinh nghiệm, rèn kỹ năng thực tế, làm quen với môi trường doanh nghiệp.

- + Trung hạn (3–5 năm): Sau khi có kinh nghiệm, sinh viên tốt nghiệp có thể thăng tiến lên vị trí quản lý nhóm, trưởng phòng, giám sát dự án hoặc quản lý bộ phận kinh doanh – marketing – nhân sự.
- + Dài hạn (5–10 năm): Với năng lực quản trị, sáng tạo và kinh nghiệm, sinh viên tốt nghiệp có cơ hội trở thành giám đốc chức năng (CMO, CFO, CHRO), giám đốc điều hành (CEO) tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ; hoặc trở thành nhà khởi nghiệp thành công.
- + Ngoài ra, chuyển đổi số và CMCN 4.0 mở ra nhiều hướng phát triển mới như kinh doanh số, thương mại điện tử, phân tích dữ liệu kinh doanh, quản trị đổi mới sáng tạo, giúp cử nhân QTKD có nhiều cơ hội nghề nghiệp tại các tập đoàn đa quốc gia cũng như doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Thời gian đào tạo:

[1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.

[2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm:

Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sau thời gian đào tạo chính khóa, sinh viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo được phép kéo dài thời gian thêm 2,0 năm để hoàn thành chương trình.

Trong trường hợp đặc biệt được nhà trường cho phép gia hạn, tổng thời gian học tập không được vượt quá hai lần so với thời gian theo kế hoạch.

Sinh viên không hoàn thành chương trình đào tạo và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên trường.

Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo chính khóa	Thời gian kéo dài
Đại học	3,5 năm (7 học kỳ chính)	2,0 năm

4. Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

[1] **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 122 tín chỉ.**

[2] **Cấu tạo và tổ chức của chương trình:**

- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
- + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật và bảo vệ môi trường.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ;
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.

- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn đã liệt kê các môn học mà sinh viên có thể chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp. Trong chương trình, sinh viên lựa chọn các môn học tự chọn, chiếm khoảng 10% tín chỉ trong danh sách môn học đề xuất.

[3] Nhóm các môn học trong chương trình:

- + Các môn học lý thuyết;
- + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
- + Các môn học thực hành, thực tập tại phòng thực hành và chuyên đề;
- + Các môn học có đi kiến tập, thực tập và làm bài tập lớn;
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ, chứng nhận).

[4] Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học ngoài CTĐT	0		300		90	30.00	210	70.00	375
Giáo dục chuyên nghiệp	0		300	100.00	90	30.00	210	70.00	375
– Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165	55.00	90	54.55	75	45.45	240
– Giáo dục thể chất	0		135	45.00	0	00.00	135	100.00	135
Môn học trong chương trình đào tạo	122		2220		1125	50.68	1095	49.32	3420
Kiến thức Giáo dục đại cương	30	24.59	525	23.65	330	62.86	195	37.14	825
– [1] Khoa học tự nhiên	8	06.56	135	06.08	75	55.56	60	44.44	225
– [2] Khoa học xã hội	22	18.03	390	17.57	255	65.38	135	34.62	600
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	82	67.21	1245	56.08	795	63.86	450	36.14	2445
– [3] Cơ sở ngành	38	31.15	585	26.35	360	61.54	225	38.46	1125
– [4] Chuyên ngành	44	36.07	660	29.73	435	65.91	225	34.09	1320
Bài thi tốt nghiệp	10	08.20	450	20.27	0	00.00	450	100.00	150
– [5] Thực tập tốt nghiệp	3	02.46	135	06.08	0	00.00	135	100.00	45
– [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7	05.74	315	14.19	0	00.00	315	100.00	105
Môn học tự chọn	31	25.41	675	30.41	195	28.89	480	71.11	825

5. Đối tượng tuyển sinh:

[1] Cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

[2] Đào tạo văn bằng hai:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân, kỹ sư các ngành trình độ đại học và phải qua kỳ xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa phối hợp cùng Phòng Đào tạo xem xét bảng điểm toàn khóa của thí sinh, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp Văn bằng 2 ngành Tài chính Ngân hàng trình độ đại học.

[3] Đào tạo liên thông đại học từ cao đẳng:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng (hoặc ngành gần) trình độ cao đẳng và qua kỳ thi tuyển sinh đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Đào tạo Liên thông đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và của Khoa tổ chức xét duyệt bảng điểm toàn khóa của thí sinh trong quá trình học cao đẳng, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ngành Tài chính Ngân hàng trình độ đại học.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

[1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

[2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.

[3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 13, Chương 2 Tổ chức đào tạo, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

- + Quy định về khối lượng học tập tối thiểu của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
 - 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
 - Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
- + Quy định về khối lượng học tập tối đa của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gởi cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.
 - Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
 - Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), sinh viên không được đăng ký nhiều hơn 12 tín chỉ/đợt học.

[4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.

- + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

- 30 giờ thực tập/ thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
- 45 giờ thực tập tại cơ sở/ thực tập tốt nghiệp;
- 45 giờ làm tiểu luận/ bài tập lớn/ đồ án;
- 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp/ luận văn tốt nghiệp/ luận án tốt nghiệp/ bài thi tốt nghiệp.
- Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.

[5] Điều kiện tốt nghiệp:

- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 33, Chương 5 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Thang điểm đánh giá:

[1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:

- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
- + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
- + Điểm được quy đổi về thang điểm chữ và thang điểm 4,0 trong bảng điểm tổng kết;
- + Thực hiện đầy đủ yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của điểm thành phần như sau:

Điểm thành phần	Thang điểm 10	Trọng số	Điều kiện
Điểm quá trình	a	x%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm kiểm tra giữa kỳ	b	y%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm thi cuối kỳ	c	z%	$x + y + z = 100\%$; $z \geq 50\%$
Điểm tổng kết môn học	$a * x\% + b * y\% + c * z\%$		

8. Nội dung chương trình:

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt		0	300	90	210	375
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
			Kiến thức Giáo dục đại cương		30	525	330	195	825
			Nhóm môn Khoa học Tự nhiên		8	135	75	60	225
5	HK1	BA13901	Toán ứng dụng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
6	HK2	BA19009	Xác suất thống kê	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
7	HK3	BA19008	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
			Nhóm môn Khoa học Xã hội		22	390	255	135	600
8	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
9	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
12	HK1	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
13	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HK2	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
16	HK3	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK4	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		82	1245	795	450	2445
			Nhóm môn Cơ sở		38	585	360	225	1125
18	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
19	HK1	BA39002	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
20	HK2	BA19002	Kinh tế vĩ mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
21	HK2	BA39001	Nguyên lý kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
22	HK2	BA49001	Quản trị học	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
23	HK2	BA49004	Luật kinh tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
24	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
25	HK3	BA29001	Marketing căn bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
26	HK3	BA43018	Chuyên đề Khởi nghiệp	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
27	HK3	BA49003	Giao tiếp kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
28	HK4	BA39003	Thuế	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
29	HK4	BA49007	Quản trị hành chính văn phòng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
30	HK4	BA49011	Đạo đức và văn hóa kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn Chuyên ngành		44	660	435	225	1320
31	HK4	BA39009	Quản trị tài chính I	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
32	HK4	BA49008	Hành vi tổ chức	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
33	HK5	BA09032	Lãnh đạo và quản trị sự thay đổi	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
34	HK5	BA29004	Quản trị marketing	3[2.1.6]	6	90	60	30	180
35	HK5	BA39010	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
36	HK5	BA49010	Quản trị nguồn nhân lực	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
37	HK6	BA09054	Môn học tự chọn 3_KDQT	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
38	HK6	BA13011	Quản trị dự án	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
39	HK6	BA19005	Quản trị chất lượng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
40	HK6	BA19006	Quản trị chuỗi cung ứng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
41	HK6	BA19007	Quản trị vận hành	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
42	HK6	BA43017	Quản trị rủi ro	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
43	HK6	BA49009	Nghiệp vụ ngoại thương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
44	HK6	BA49012	Quản trị chiến lược	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn Bài thi tốt nghiệp		10	450	0	450	150
45	HK7	BA03151	Thực tập tốt nghiệp	3[0.3.3]	3	135	0	135	45
46	HK7	BA03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		18	270	135	135	540
			Nhóm môn Chuyên ngành		18	270	135	135	540
47	HKN	BA09011	Lập kế hoạch kinh doanh	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
48	HKN	BA09033	Phát triển nghề nghiệp	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
49	HKN	BA13010	Thị trường chứng khoán	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
50	HKN	BA23007	Nghiên cứu thị trường	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
51	HKN	BA29006	Thương mại điện tử	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
52	HKN	BA29007	Marketing kỹ thuật số	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
53	HKN	BA39012	Ngân hàng thương mại	3[2.1.6]	2	30	15	15	60
54	HKN	BA39013	Thanh toán quốc tế	3[2.1.6]	2	30	15	15	60
55	HKN	TO09016	Thiết kế sản phẩm du lịch sức khỏe	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
			Nhóm môn Bài thi tốt nghiệp		13	405	60	345	285
56	HKN	BA03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
57	HKN	BA13158	Quản trị Dịch vụ	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
58	HKN	BA23159	TT_BTTN_Marketing giữa các tổ chức	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

9. Kế hoạch giảng dạy:

Xem bảng Kế hoạch giảng dạy - phân bố kiến thức, môn học, tín chỉ và số tiết theo học kỳ.

Xem chi tiết trong Phụ lục 1.

10. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

11. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ – tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

12. Phương pháp giảng dạy (Teaching Methods)

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng ứng dụng, nhấn mạnh sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn. Sinh viên được tiếp cận kiến thức nền tảng, đồng thời tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, phân tích tình huống, mô phỏng và thực tập tại doanh nghiệp. Mục tiêu là hình thành cho sinh viên năng lực toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ, đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu nhân lực trong thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Các phương pháp giảng dạy được triển khai đa dạng, kết hợp linh hoạt. Ở giai đoạn đầu, thuyết trình – thảo luận được sử dụng để trang bị kiến thức nền. Ở các học phần chuyên ngành, thực hành – mô phỏng và phân tích tình huống giúp sinh viên gắn kết lý thuyết với ứng dụng thực tiễn. Các học phần ứng dụng và chuyên đề khuyến khích học theo dự án, học theo vấn đề, kết hợp trực tuyến – trực tiếp. Ở giai đoạn cuối, kiến tập, thực tập và khóa luận đóng vai trò kiểm chứng năng lực toàn diện.

Các phương pháp giảng dạy chi tiết

- [1] Thuyết trình kết hợp thảo luận (Lecture with Discussion)
 - + Giảng viên trình bày các khái niệm, mô hình, lý thuyết quản trị một cách hệ thống, đồng thời đưa ra câu hỏi gợi mở, yêu cầu sinh viên phản biện và tham gia thảo luận nhóm. Phương pháp này tạo môi trường lớp học tương tác hai chiều, giúp sinh viên tiếp thu kiến thức nhanh chóng và học cách áp dụng chúng vào bối cảnh thực tế.
 - + Mục tiêu CĐR: Giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (A01, A02), phát triển kỹ năng diễn đạt, giao tiếp học thuật và phản biện (B01, B04), đồng thời hình thành thái độ học tập chủ động, nghiêm túc (C01).
- [2] Thực hành – mô phỏng (Practice & Simulation)
 - + Sinh viên tham gia các buổi thực hành giải quyết bài toán quản trị bằng phần mềm chuyên dụng như SPSS, Excel, ERP hoặc phần mềm kế toán – tài chính. Các mô hình mô phỏng (simulation) trong marketing, tài chính, quản trị nhân sự được sử dụng để sinh viên luyện tập kỹ năng ra quyết định trong môi trường giả lập.
 - + Mục tiêu CĐR: Giúp sinh viên vận dụng công cụ phân tích dữ liệu, xử lý thông tin và ra quyết định (B03), nâng cao khả năng ứng dụng lý thuyết vào tình huống thực tế (A03, A04), phát triển tư duy logic và tinh thần kỷ luật (C01).
- [3] Học theo tình huống (Case Study)
 - + Sinh viên được giao các tình huống thực tế trong lĩnh vực quản trị, marketing, tài chính, nhân sự, logistics. Các nhóm phân tích bối cảnh, xác định vấn đề, đề xuất giải pháp và bảo vệ trước lớp, giảng viên đóng vai trò điều phối và phản biện.
 - + Mục tiêu CĐR: Rèn luyện khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và ra quyết định (B01, B02), củng cố kiến thức quản trị gắn liền với thực tế (A03, A04), phát triển tư duy phản biện và thái độ chuyên nghiệp (C01).
- [4] Học theo dự án (Project-based Learning – PBL)
 - + Sinh viên làm việc theo nhóm để triển khai dự án kinh doanh hoặc quản trị như lập kế hoạch marketing, xây dựng chiến lược tài chính, thiết kế mô hình kinh doanh. Dự án kéo dài trong suốt học kỳ, yêu cầu sinh viên khảo sát thị trường, phân tích dữ liệu, lập kế hoạch và bảo vệ kết quả trước hội đồng.
 - + Mục tiêu CĐR: Phát triển năng lực tích hợp và vận dụng kiến thức vào thực tiễn (A03, A04), rèn kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo, thuyết trình và sáng tạo (B01, B04), đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm xã hội và khởi nghiệp (C01).
- [5] Học tập kết hợp (Blended Learning)
 - + Kết hợp giữa lớp học truyền thống và môi trường học trực tuyến. Trên lớp, sinh viên được giảng viên hướng dẫn; ngoài giờ, sinh viên làm bài tập online, tham gia diễn đàn học tập, thực hiện quiz trực tuyến và thảo luận nhóm qua nền tảng số.

- + Mục tiêu CĐR: Rèn luyện khả năng tự học, học tập suốt đời (A06, C01), phát triển kỹ năng công nghệ số và khai thác nguồn học liệu trực tuyến (B02, B03), tăng cường năng lực tự chủ và quản lý thời gian.

[6] Học theo vấn đề (Problem-based Learning – PBL)

- + Sinh viên được giao một vấn đề kinh doanh thực tiễn như khủng hoảng thương hiệu, tái cấu trúc tài chính, quản trị nhân sự trong bối cảnh chuyển đổi số. Sinh viên phải nghiên cứu, tìm tài liệu, phân tích nguyên nhân, thảo luận giải pháp và trình bày kết quả.
- + Mục tiêu CĐR: Tăng cường năng lực nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề (B01, B02), khuyến khích sáng tạo trong đề xuất giải pháp (A03, A04), đồng thời rèn luyện sự tự chủ, kỷ luật và trách nhiệm nghề nghiệp (C01).

[7] Kiến tập – thực tập, đồ án/khóa luận (Internship & Capstone Project)

- + Sinh viên được tham gia kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan hoặc tổ chức, trải nghiệm môi trường làm việc thực tế. Ở giai đoạn cuối, sinh viên thực hiện đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp, nghiên cứu và giải quyết một vấn đề quản trị cụ thể tại doanh nghiệp.
- + Mục tiêu CĐR: Kiểm chứng năng lực toàn diện về kiến thức (A03, A04), kỹ năng nghề nghiệp (B01–B04), thái độ chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng trong môi trường làm việc (C01, C02).

Hệ thống phương pháp giảng dạy trong chương trình Quản trị Kinh doanh được xây dựng đa dạng, kết hợp lý thuyết – thực hành – nghiên cứu – trải nghiệm. Mỗi phương pháp đều gắn liền với việc đạt chuẩn đầu ra, giúp sinh viên phát triển toàn diện và sẵn sàng trở thành những nhà quản trị, chuyên viên hoặc doanh nhân trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

13. Phương pháp kiểm tra – đánh giá (Assessment Methods)

Hệ thống kiểm tra – đánh giá trong chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh được thiết kế theo hướng toàn diện và ứng dụng, nhằm đo lường mức độ sinh viên đạt được so với chuẩn đầu ra (CĐR). Các phương pháp đánh giá được triển khai đa dạng, bao gồm đánh giá quá trình, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ, báo cáo thí nghiệm – thực hành, bài tập lớn – đồ án môn học, và thực tập – khóa luận tốt nghiệp. Điều này đảm bảo vừa theo dõi quá trình học tập, vừa khẳng định năng lực tổng hợp của sinh viên khi hoàn thành học phần và toàn chương trình.

Trong quá trình học, đánh giá quá trình khuyến khích sinh viên tham gia tích cực và hình thành thái độ học tập nghiêm túc. Kiểm tra giữa kỳ đo lường khả năng tiếp thu kiến thức nền tảng, trong khi thi cuối kỳ xác nhận năng lực tổng hợp, phân tích và vận dụng kiến thức. Với các học phần thực hành, báo cáo và bài tập lớn cung cấp minh chứng cụ thể cho năng lực vận dụng lý thuyết. Ở giai đoạn cuối, thực tập và khóa luận tốt nghiệp là công cụ đánh giá toàn diện nhất, gắn liền với môi trường nghề nghiệp thực tế.

Các phương pháp kiểm tra – đánh giá

[1] Đánh giá quá trình (Formative Assessment)

- + Sinh viên được đánh giá xuyên suốt học kỳ thông qua điểm chuyên cần, bài tập nhỏ, thảo luận, thuyết trình và phản hồi trên lớp. Hình thức này phản ánh sự chuẩn bị, tinh thần hợp tác và thái độ học tập, đồng thời tạo cơ hội để giảng viên đưa ra phản hồi kịp thời.
- + Mục tiêu CĐR: Rèn luyện tính kỷ luật, trung thực và trách nhiệm (C01), hình thành năng lực tự học và nghiên cứu độc lập (A02), phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm (B01, B04).

- [2] Kiểm tra giữa kỳ (Midterm Assessment)
- + Được tổ chức vào khoảng giữa học kỳ, dưới dạng bài thi viết, bài tập lớn hoặc thực hành. Nội dung tập trung vào phần kiến thức và kỹ năng cốt lõi đã học, giúp đánh giá sự tiếp thu và khả năng vận dụng ban đầu.
 - + Mục tiêu CDR: Xác nhận năng lực nắm vững kiến thức nền tảng (A01, A02), rèn luyện khả năng phân tích và xử lý tình huống cơ bản (B01, B02), tạo tiền đề cho sự phát triển kiến thức chuyên ngành ở các giai đoạn tiếp theo.
- [3] Thi cuối kỳ (Final Examination)
- + Tổ chức khi kết thúc môn học, có thể là thi viết, thi vấn đáp hoặc thực hành/mô phỏng. Nội dung thi bao quát toàn bộ môn học, từ lý thuyết đến ứng dụng thực tiễn, nhằm kiểm chứng năng lực tổng hợp.
 - + Mục tiêu CDR: Đánh giá khả năng hệ thống hóa và vận dụng kiến thức (A02, A03), đo lường năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp (B01, B03), đồng thời rèn tư duy logic và khả năng ứng dụng trong môi trường kinh doanh thay đổi (C01).
- [4] Báo cáo thí nghiệm – thực hành (Lab/Practice Reports) (Không thực hiện thí nghiệm; chỉ làm bài thực hành trong CTĐT ngành Quản trị Kinh doanh)
- + Áp dụng cho các học phần có thực hành, phân tích dữ liệu hoặc nghiên cứu tình huống. Sinh viên phải nộp báo cáo gồm mục tiêu, quy trình, số liệu, phân tích và kết luận. Báo cáo phản ánh năng lực vận dụng kiến thức vào thực tế và rèn luyện tác phong khoa học.
 - + Mục tiêu CDR: Phát triển kỹ năng thu thập – xử lý dữ liệu và trình bày khoa học (B02, B03), củng cố khả năng vận dụng lý thuyết để giải thích hiện tượng và tình huống kinh doanh (A03, A04), hình thành thái độ cẩn trọng, chính xác (C01).
- [5] Đánh giá bài tập lớn, dự án và đồ án môn học (Assignments & Capstone Projects)
- + Sinh viên được giao đề tài hoặc dự án thực tiễn như xây dựng kế hoạch marketing, thiết lập dự án đầu tư, phân tích tài chính hay thiết kế hệ thống quản trị. Kết quả được đánh giá qua sản phẩm, báo cáo và phần bảo vệ trước lớp hoặc hội đồng.
 - + Mục tiêu CDR: Phát triển năng lực tích hợp kiến thức và giải quyết vấn đề phức tạp (A03, A04), rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, sáng tạo và thuyết trình (B01, B04), đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội và khởi nghiệp (C01).
- [6] Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (Internship & Graduation Thesis)
- + Sinh viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp, đơn vị quản lý hoặc viện nghiên cứu, từ đó viết báo cáo và/hoặc thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Hoạt động này được đánh giá thông qua báo cáo, nhận xét của đơn vị thực tập và phần bảo vệ trước hội đồng.
 - + Mục tiêu CDR: Đo lường năng lực toàn diện trong môi trường thực tế (A03, A04), khẳng định kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn (B01–B04), phát triển kỹ năng nghiên cứu, giao tiếp, hợp tác và tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp (C01, C02).

Phương pháp kiểm tra – đánh giá trong CTĐT Quản trị Kinh doanh được thiết kế khoa học, khách quan và minh bạch. Mỗi hình thức đánh giá đều hướng đến phục vụ chuẩn đầu ra, từ kiến thức lý thuyết đến kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp. Qua đó, sinh viên không chỉ được công nhận kết quả học tập bằng điểm số mà còn chứng minh được năng lực toàn diện, sẵn sàng hội nhập thị trường lao động và khởi nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại.

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[1] Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:

- + Phần chung toàn trường:
 - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- + Phần chung của một số ngành:
 - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
 - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[2] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc -----Ký hiệu:[BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn -----Ký hiệu:[TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương----- Ký hiệu:[TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm định hướng sinh viên học theo trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp

- xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
- Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
 - Môn học tiên quyết -----Ký hiệu:[TQ]
 - Môn học trước -----Ký hiệu:[Tr]
 - Môn học song hành -----Ký hiệu:[SH]
 - + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
- [3] Ký hiệu liên quan đến môn học:
- + Môn học được thể hiện:
 - Mã số môn học: -----[GS59001]
 - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - Tín chỉ: -----2[2.0.4]
 - + Có thể đọc và hiểu như sau:
 - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

15. Mô tả tóm tắt môn học:

[1] Khối kiến thức Giáo dục chuyên biệt

- [MI03002] Giáo dục Quốc phòng - An ninh ----- 0[6.3.16]
- [GS99005] Giáo dục thể chất 1 -----0[0.2.3]
- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.
 - + Phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (chạy 5 phút tùy sức) và thể dục (bài tập thể dục phát triển chung 50 động tác).
- [GS99006] & [GS99007] Giáo dục thể chất 2 & 3 (Tự chọn bắt buộc) -----0[0.2.3]
- + **Chọn 02 trong 05 nội dung sau:**
 - + **Môn Aerobic:**
 - Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe con người; vai trò của Giáo dục thể chất trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản

của môn Thể dục Aerobic. Thực hiện tốt bài Aerobic cơ bản mẫu, hiểu luật và có thể biên soạn được bài Aerobic.

+ **Môn Bóng bàn cơ bản:**

- Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng bàn, luật môn bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn (cách cầm vợt đúng trong bóng bàn, tư thế di chuyển đơn, kép, bước chéo. Tư thế chuẩn bị đánh bóng. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay, đẩy bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay, trái tay (không xoáy) cơ bản, giao bóng thuận tay xoáy lên, giao bóng trái tay xoáy lên, các bài tập phát triển thể lực.

+ **Bóng chuyền cơ bản:**

- Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng).

+ **Bóng rổ cơ bản:**

- Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng rổ, luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, tại chỗ ném rổ một tay trên vai, hai bước ném rổ một tay trên vai).

+ **Cầu lông cơ bản:**

- Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn Cầu lông, luật Cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông (cách cầm vợt, tư thế di chuyển đơn bước, đa bước, giao cầu trái tay, giao cầu thuận tay, đánh cầu cao thuận tay (lốp cầu), đánh cầu thấp hai bên và phía trước (đánh cầu mạnh cuối sân), các bài tập phát triển thể lực.

[2] **Khối kiến thức giáo dục đại cương – Khoa học tự nhiên:**

[BA13901] Toán C1 -----3[2.1.6]

- + Môn học tập trung vào việc trình bày, truyền tải đến sinh viên những kiến thức toán học cơ bản gồm có: Hàm số và đồ thị của hàm số; Đạo hàm của hàm số; Tích phân bất định; Tích phân xác định; Hàm nhiều biến. Dựa trên cơ sở những kiến thức toán học, môn học Toán C1 đề cập đến một số tình huống mô tả ứng dụng tính toán cơ bản liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh.

[GS33004] Toán C2 -----3[3.0.6]

- + Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của đại số tuyến tính. Nội dung cụ thể gồm:
- Ma trận
 - Hệ phương trình tuyến tính
 - Định thức
 - Không gian vectơ
 - Chéo hóa ma trận.

[GS59001] Tin học đại cương -----2[2.0.4]

- + Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương tổng quan về máy tính, các hệ thống số và cách biểu diễn thông tin trong máy tính. Các kiến thức chung về hệ điều hành, các ứng dụng cụ thể: hệ điều hành Windows XP, kiến thức Internet và ứng

- dụng, phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, phần mềm xử lý bảng biểu MS Excel, phần mềm thiết kế trình diễn Powerpoint.
- + Chú trọng các kiến thức kỹ năng căn bản sử dụng máy tính cho sinh viên các ngành đào tạo khác nhau trong trường.

[GS59002] Thực hành Tin học đại cương -----2[0.2.3]

- + Nội dung tóm tắt:
 - Cung cấp các kiến thức nền tảng về tin học.
 - Nắm được các thành phần chính của PC, nguyên lý hoạt động.
 - Hiểu và sử dụng tốt Hệ điều hành Windows.
 - Sử dụng phần mềm Microsoft Word, Excel, Powerpoint.
 - Internet và một số dịch vụ: Mail, WEB, Chat, FTP, ...

[BA19008] Tin học ứng dụng trong kinh doanh -----2[1.1.3]

- + Môn học này sử dụng phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft Powerpoint & Microsoft Excel. Sinh viên sẽ được rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và biến chúng thành các công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các môn học khác. Tính chất ứng dụng sẽ được nhấn mạnh thông qua các ví dụ thực tế.

[BA19009] Xác suất thống kê-----3[2.1.6]

- + Môn học được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung, mục đích là cung cấp cho sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh kiến thức về lĩnh vực xác suất thống kê và nhiều ứng dụng thực tế. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng phân tích dữ liệu và các phương pháp thống kê vào việc tổ chức và trình bày các tài liệu văn bản, cung cấp những hiểu biết để ra quyết định và tìm giải pháp cho các vấn đề trong môi trường kinh doanh.
- + Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và Excel Add-ins để xử lý và phân tích dữ liệu. Excel được chọn dùng vì đây là một phần mềm phổ biến và dễ sử dụng.

[3] **Khối kiến thức giáo dục đại cương – Khoa học xã hội**

[GS19007] Tiếng Anh 1 -----2[1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến con người, nơi chốn, các đồ vật trong gia đình, số đếm, số thứ tự, các thông tin cơ bản về một số quốc gia trên thế giới, thời gian rảnh, thức ăn, tiền tệ, phân biệt tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.

[GS19008] Tiếng Anh 2 -----2[1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 2 cung cấp kiến thức và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến du lịch, ngoại hình, phim ảnh, nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học và công nghệ, ngành du lịch và môi trường trên trái đất.

[GS19009] Tiếng Anh 3 -----2[1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến sức khỏe, những cuộc thi đấu, phương tiện giao thông, sự phiêu lưu, môi trường và những giai đoạn trong cuộc đời.

[GS19010] Tiếng Anh 4 -----2[1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 4 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến công việc, công nghệ, ngày nghỉ, du lịch, sản phẩm, lịch sử và thiên nhiên.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương-----3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS79005] Triết học Mác - Lênin-----3[3.0.6]

- + Triết học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- + Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người.

[GS79006] Kinh tế chính trị Mác - Lênin-----2[2.0.5]

- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật kinh tế xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vận dụng của Đảng ta vào việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vấn đề hội nhập kinh tế thế giới và lợi ích trong nền kinh tế.

[GS79007] Chủ nghĩa xã hội khoa học-----2[2.0.5]

- + Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- + Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH nhằm làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79008] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam -----3[3.0.6]

- + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
- + Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm

tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- + Ngoài chương mở đầu, chương kết luận, nội dung gồm 3 chương:
 - Chương I: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
 - Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
 - Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)
 - Chương kết luận: Những thắng lợi lịch sử và một số bài học lớn.

[GS79009] Tư tưởng Hồ Chí Minh -----2[2.0.5]

- + Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

[4] **Khối Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp – Cơ sở ngành**

[BA19001] Kinh tế vi mô-----3[2.1.6]

- + Trong nền kinh tế thị trường, giá cả được hình thành dựa trên mối quan hệ cung cầu, giá bán sẽ được xác định mà ở đó, người sản xuất và người mua đều có thể chấp nhận được. Hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất sẽ dựa trên quyết định tối ưu nhất thông qua các loại thị trường và các chính sách của chính phủ.

[BA19002] Kinh tế vĩ mô-----3[2.1.6]

- + Môn học Kinh tế vĩ mô nghiên cứu về hành vi tổng thể của một nền kinh tế. Chủ đề chủ yếu của môn học là phân tích lần lượt các mô hình kinh tế như là tổng cung – tổng cầu, cách tính tổng sản phẩm quốc gia (chỉ tiêu GDP), tổng thu nhập quốc gia (chỉ tiêu GNI) và nghiên cứu những vấn đề cơ bản bao gồm thất nghiệp, lạm phát, chu kỳ kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, vai trò của tiền tệ, lãi suất, các chính sách ổn định kinh tế như là chính sách tiền tệ, chính sách tài chính, và cán cân thanh toán.

[BA49001] Quản trị học -----3[2.1.6]

- + Môn học tập trung nghiên cứu những vấn đề về tổ chức và hoạt động quản trị như thế nào nhằm hoàn thành những mục tiêu chung và đạt hiệu quả cao trong công tác quản trị. Môn học trình bày những khía cạnh cơ bản của quản trị như khái niệm quản trị, nhà quản trị, chức năng, vai trò của họ; môi trường hoạt động kinh doanh của tổ chức; cách thức và các mô hình ra quyết định của nhà quản trị; thông tin trong tổ chức; 4 chức năng của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra và những vấn đề liên quan; và các lý thuyết quản trị cung cấp kiến thức nền tảng giúp các nhà quản trị giải quyết các tình huống quản trị thực tiễn.

[BA39002] Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ-----3[2.1.6]

- + Cung cấp cách khái quát những vấn đề liên quan đến tài chính - tiền tệ. Cụ thể đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, tín dụng, lãi suất, tiền tệ hay những vấn đề liên quan đến lạm phát và thị trường tài chính. Đồng thời, nghiên cứu và vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào việc điều tiết nền kinh tế.

[BA39001] Nguyên lý kế toán -----3[2.1.6]

- + Môn Nguyên lý kế toán là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán bao gồm: bản chất và chức năng của kế toán, các giả định và nguyên tắc kế toán, môi trường kế toán, các phương pháp kế toán (chứng từ kế toán, tính giá các đối tượng kế toán, tài khoản và ghi sổ kép, tổng hợp cân đối kế toán), ứng dụng các phương pháp trong việc thu thập xử lý và cung cấp thông tin trên báo cáo tài chính nhằm phục vụ cho việc ra quyết định kinh tế trong tổ chức. Môn học Nguyên lý kế toán sẽ rất bổ ích cho những ai muốn tìm hiểu, nghiên cứu về kế toán.
- + Nguyên lý kế toán là một trong những môn học cơ sở khối ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

[BA49003] Giao tiếp kinh doanh-----3[2.1.6]

- + Trong môi trường làm việc, giao tiếp là cần thiết để cá nhân hay tổ chức đạt được hiệu quả công việc và kinh doanh. Các bài học trong môn học này giúp sinh viên hiểu và thực hành các kỹ năng bao gồm nói, lắng nghe, viết và trình bày các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh, đồng thời biết cách vận dụng kiến thức và kỹ năng giao tiếp để tìm kiếm việc làm khi ra trường và trong cuộc sống.

[BA49004] Luật kinh tế-----3[2.1.6]

- + Luật kinh tế là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường. Trong kinh doanh đòi hỏi các nhà kinh doanh phải hiểu biết pháp luật để kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Luật kinh tế là môn học cần thiết đối với sinh viên ngành kinh tế nói chung, và quản trị kinh doanh nói riêng.
- + Nội dung môn học Luật kinh tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế như: Cơ cấu tổ chức, vận hành của các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; Cơ chế giải thể, phá sản doanh nghiệp/Hợp tác xã (HTX); Những vấn đề pháp lý về hợp đồng và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại.

[BA29001] Marketing căn bản-----3[2.1.6]

- + Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt thì các doanh nghiệp cần nỗ lực khám phá các phương thức mới để kiến tạo hình ảnh sản phẩm/dịch vụ trong tâm trí khách hàng. Marketing là một giải pháp sáng tạo cho sự phát triển của doanh nghiệp. Môn học này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng căn bản về marketing hiện đại trong bối cảnh cạnh tranh. Hơn thế nữa, nhu cầu nhân lực marketing có trình độ chuyên môn cao cũng là yêu cầu cấp bách cho các doanh nghiệp Việt Nam nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

[BA39003] Thuế -----2[1.1.3]

- + Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được chức năng, vai trò, mục tiêu của thuế trong nền kinh tế thị trường; Môn học cũng cung cấp sự hiểu biết về quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam; đặc biệt, môn học bao gồm những nội dung cơ bản các luật thuế chủ yếu hiện hành.
- + Kiến thức môn học này giúp người học vận dụng vào các học các môn học sau: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, Kế toán quản trị, ...

[BA43018] Chuyên đề Khởi nghiệp -----3[1.2.6]

- + Chuyên đề Khởi nghiệp được thiết kế nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức về khởi nghiệp và phương pháp tư duy đổi mới sáng tạo để nhận biết những cơ hội tiềm năng trong kinh doanh; thiết kế ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp trên cơ sở giải quyết một vấn đề

- kinh doanh nói chung hoặc một vấn đề xã hội nói riêng; xác định các nguồn lực cần thiết nhằm xây dựng mô hình kinh doanh tinh gọn trong hệ sinh thái khởi nghiệp.
- + Các chủ đề bao gồm tư duy khởi nghiệp hướng đến hiệu quả; tư duy sáng thiết kế, mô hình kinh doanh tinh gọn, khởi nghiệp xã hội và mô hình kinh doanh khởi nghiệp xã hội.

[BA49007] Quản trị hành chính văn phòng-----3[2.1.6]

- + Quản trị hành chính văn phòng là một công tác không thể thiếu đối với bất kỳ một cơ quan nào, có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của cơ quan. Môn học Quản trị hành chính văn phòng cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về quản trị hành chính văn phòng; kỹ năng soạn thảo và quản lý văn bản hành chính. Ngoài ra, người học có khả năng phối hợp thực hiện tổ chức các cuộc tiếp khách, hội họp, hội thảo, hội nghị; chuẩn bị cho chuyến công tác; thực hiện công tác lễ tân và bố trí sắp xếp nơi làm việc hợp lý.

[BA19004] Phương pháp định lượng trong quản trị-----3[2.1.6]

- + Môn Phương pháp định lượng trong quản trị trang bị kiến thức và kỹ năng về các phương pháp phân tích định lượng, áp dụng trong kinh tế và kinh doanh như cơ sở của lý thuyết ra quyết định; mô hình phân tích ra quyết định ứng với từng môi trường ra quyết định cụ thể: môi trường chắc chắn, môi trường bất định, môi trường rủi ro; lý thuyết và các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải, bài toán phân công, các bài toán mạng và ứng dụng khác trong việc lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh ở các lĩnh vực như marketing, phối hợp sản xuất, tài chính. Ngoài ra, môn học còn hướng dẫn sử dụng các phần mềm chuyên ngành như Excel, Excel QM, QM for Windows để giải quyết các bài toán ra quyết định và phân tích định lượng.

[BA49015] Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh-----2[1.1.4]

- + Môn học Đạo đức và văn hóa kinh doanh trang bị cho người học hệ thống kiến thức về:
 - Đạo đức trong kinh doanh:
 - Khái niệm về đạo đức, đạo đức trong kinh doanh
 - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa
 - Nhận diện và xây dựng chương trình đạo đức trong các hoạt động của doanh nghiệp
 - Văn hóa trong doanh nghiệp:
 - Khái niệm và các dạng văn hóa doanh nghiệp
 - Sự hình thành và thay đổi văn hóa doanh nghiệp nói chung và trong điều kiện Việt Nam nói riêng

[5] **Khối Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp - Chuyên ngành**

[BA39009] Quản trị tài chính 1-----3[2.1.6]

- + Quản trị tài chính là lĩnh vực quan trọng trong điều hành quản trị doanh nghiệp. Quản trị tài chính tốt đem đến sự cân bằng trong việc phát triển bền vững của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chính vì lẽ đó, môn học này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về tài chính để sinh viên có thể tự mình ra các quyết định quản trị tài chính trong một doanh nghiệp giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu tối ưu của mình.
- + Nội dung môn học: Tổng quan quản trị tài chính; Thời giá tiền tệ; Định giá trái phiếu; Định giá cổ phiếu; Lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư; Chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp; Một số vấn đề cơ bản về đánh giá hiệu quả dự án; Thuê tài sản.

[BA19005] Quản trị chất lượng-----3[2.1.6]

- + Tất cả các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ đều cần phải hiểu rõ và đáp ứng các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Quản trị chất lượng khi được thực hiện một cách thích hợp

và thành công sẽ làm cho các doanh nghiệp phục vụ khách hàng của họ tốt hơn và giành được lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

- + Môn học này giới thiệu những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản trị chất lượng, các hệ thống quản trị chất lượng (như quản trị chất lượng toàn diện - TQM, bộ tiêu chuẩn ISO 9000, bộ tiêu chuẩn ISO 14000, giải thưởng chất lượng) và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản trị chất lượng (như các công cụ kiểm soát quá trình bằng thống kê, benchmarking, triển khai chức năng chất lượng - QFD) để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

[BA49008] Hành vi tổ chức -----3[2.1.6]

- + Hành vi tổ chức là môn học kết hợp nhiều môn khoa học khác, nghiên cứu tác động qua lại của hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức, nhằm mục đích cải thiện hiệu quả tổ chức. Học phần giúp người học cách nhìn toàn diện về mối quan hệ giữa cá nhân, nhóm, tổ chức trong những vai trò khác nhau, cách thức giải quyết xung đột, duy trì và phát triển quan hệ này một cách hiệu quả, giúp người lao động gắn bó hơn với tổ chức của mình, và qua đó điều chỉnh nhận thức, thái độ và hành vi cho phù hợp với mục tiêu và các giá trị mà tổ chức theo đuổi.

[BA29004] Quản trị Marketing -----3[2.1.6]

- + Nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên nhận biết những kiến thức tổng quan về Quản trị Marketing, mô tả được cách lập kế hoạch và chiến lược marketing, áp dụng thu thập thông tin và đánh giá cơ hội thị trường, kết nối với người tiêu dùng làm thỏa mãn và lòng trung thành của khách hàng, đồng thời vận dụng được sự khác biệt hóa và các chiến lược cạnh tranh, hoạch định chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết kế và quản trị kênh phân phối và chiến lược truyền thông, cách tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing.

[BA39010] Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư -----3[2.1.6]

- + Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên kiến thức về tổ chức thiết lập, phân tích, thẩm định dự án đầu tư: bao gồm các bước phân tích thị trường, xác định nguồn lực, cách lập báo cáo ngân lưu của dự án, ứng dụng kỹ thuật chiết khấu dòng tiền trong thẩm định tài chính dự án theo những quan điểm đầu tư khác nhau cũng như tác động của lạm phát đến dòng ngân lưu. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên nắm vững các kỹ thuật phân tích rủi ro tài chính trong thẩm định dự án.

[BA49010] Quản trị nguồn nhân lực -----3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển dụng, đào tạo và phát triển và duy trì quản lý nguồn nhân lực. Môn học giúp sinh viên trao đổi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên. Tiếp nhận đầy đủ kiến thức trong môn học sẽ giúp sinh viên có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

[BA09011] Lập kế hoạch kinh doanh -----2[1.1.4]

- + Môn Lập kế hoạch kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ, năng lực cần thiết để xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh với tính khả thi, giúp người học có khả năng tham gia quản lý doanh nghiệp trong tương lai, cũng như vững tin khởi nghiệp từ những ý tưởng kinh doanh của mình. Từ đó, có thể giành được lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững trong môi trường thực tế kinh doanh đầy biến động.

[BA49009] Nghiệp vụ ngoại thương -----3[2.1.6]

- + Trong xu thế toàn cầu hóa diễn ra sôi động, nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và nền kinh tế thế giới, thì ngoại thương trở thành hoạt động không thể thiếu của các doanh nghiệp. Môn học Nghiệp vụ ngoại thương cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng trong kinh doanh xuất nhập khẩu: các điều kiện Thương mại Quốc tế (Incoterms 2010); các phương thức giao dịch mua bán chủ yếu trên thị trường quốc tế; cách thức xây dựng các điều khoản của một hợp đồng ngoại thương, nhận diện được các rủi ro có thể có trong một hợp đồng ngoại thương và cách hạn chế, ngăn ngừa chúng. Môn học còn trang bị kiến thức về cách thức thực hiện các bước của quy trình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

[BA49012] Quản trị chiến lược-----3[2.1.6]

- + Với xu thế hội nhập hiện nay, các doanh nghiệp đang đứng trước những cơ hội to lớn, nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với các nguy cơ không nhỏ. Việc phân tích môi trường kinh doanh, các yếu tố nội bộ, sử dụng các công cụ phân tích như: SWOT, BCG, GE, ... để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp để doanh nghiệp có thể giành được các lợi thế cạnh tranh và vững bước tiến lên.

[BA19006] Quản trị chuỗi cung ứng-----3[2.1.6]

- + Sự cạnh tranh khốc liệt ở thị trường hiện nay đã thúc đẩy các doanh nghiệp phải tập trung nhiều hơn vào chuỗi cung ứng của họ. Môn học này khảo sát những vấn đề chính liên quan đến việc thiết kế và quản lý chuỗi cung ứng, như sự tích hợp hiệu quả các nhà cung cấp, nhà máy, nhà kho và các bên liên quan khác sao cho sản phẩm (dịch vụ) được phân phối đến khách hàng đúng thời điểm và đủ số lượng, nhằm đáp ứng mục tiêu chính là tối thiểu tổng chi phí và thỏa mãn các yêu cầu dịch vụ. Nội dung môn học bao gồm: khái niệm, phương pháp và công cụ trong thiết kế và quản lý chuỗi cung ứng, các ứng dụng hệ thống thông tin và quản trị tồn kho; các vấn đề chiến lược như phân phối, thuê ngoài, liên minh, lựa chọn địa điểm và định giá trong chuỗi cung ứng.

[BA29003] Quản trị bán hàng-----3[2.1.6]

- + Môn Quản trị bán hàng nghiên cứu các hoạt động bán hàng, cách thức xây dựng, tổ chức và quản lý bán hàng của doanh nghiệp. Môn học cung cấp những khái niệm về bán hàng; các kiến thức và kỹ năng cần thiết của người bán hàng; các chiến lược và kế hoạch bán hàng; các phương pháp tuyển dụng, đào tạo và đánh giá hiệu quả lực lượng bán hàng để đảm bảo thực hiện các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

[BA19007] Quản trị vận hành-----3[2.1.6]

- + Quản trị vận hành hướng trọng tâm vào việc quản trị có hiệu quả quá trình chuyển hoá các yếu tố đầu vào (lao động, nguyên vật liệu, vốn, thông tin, ...) thành các yếu tố đầu ra (sản phẩm và dịch vụ) nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng một cách phù hợp.
- + Nội dung của môn học bao gồm chiến lược vận hành, lựa chọn quá trình và công nghệ, hoạch định công suất, bố trí sản xuất, quản trị hàng dự trữ, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, và lập lịch trình sản xuất.
- + Các nguyên tắc và khái niệm học được từ khóa học này sẽ áp dụng được cho bất kỳ ngành kinh doanh nào bao gồm cả các tổ chức hoạt động vì lợi nhuận, các công ty sản xuất, chế tạo, thương mại và dịch vụ.

[BA13011] Quản trị dự án-----3[2.1.6]

- + Hoạch định và thực hiện dự án là những hoạt động quan trọng trong phát triển kinh doanh và công nghiệp. Môn học trang bị các kiến thức cơ bản để xem xét toàn bộ các giai đoạn

của dự án với các khía cạnh quản lý, kinh tế, kỹ thuật, và tài chính qua đó có thể quản lý dự án một cách hiệu quả.

- + Môn học bao gồm các nội dung: đánh giá và lựa chọn dự án, cơ cấu tổ chức dự án, xây dựng kế hoạch và thiết lập ngân sách, quản lý thời gian và tiến độ thực hiện dự án, phân bổ nguồn lực cũng như kiểm soát quá trình phát triển của dự án.

[BA43017] Quản trị rủi ro -----3[2.1.6]

- + Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn quan trọng trong cả cuộc sống thường ngày. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc ứng phó với những tình huống xấu có thể xảy ra, từ đó có thể hạn chế những thiệt hại đáng tiếc. Môn học này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ, năng lực cần thiết để nhận biết, phân tích các rủi ro trong hoạt động kinh doanh từ đó đề xuất các giải pháp phòng chống và hạn chế rủi ro.

[BA23009] Nghiên cứu Marketing -----3[2.1.6]

- + Để trở thành Marketer chuyên nghiệp, người học cần biết xác định, thu thập, phân tích và sử dụng thông tin thị trường để đưa ra các quyết định marketing. Môn Nghiên cứu marketing được thiết kế để giới thiệu với sinh viên những công cụ, kỹ thuật thu thập và phương pháp phân tích thông tin thị trường nhằm giúp các marketer xây dựng các kế hoạch, chiến lược và ra quyết định marketing hiệu quả.

[6] **Nhóm môn học tự chọn:**

BA09011 Lập kế hoạch kinh doanh -----2[1.1.4]

- + Môn Lập kế hoạch kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ, năng lực cần thiết để xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh với tính khả thi, giúp người học có khả năng tham gia quản lý doanh nghiệp trong tương lai, cũng như vững tin khởi nghiệp từ những ý tưởng kinh doanh của mình. Từ đó, có thể giành được lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững trong môi trường thực tế kinh doanh đầy biến động.

BA09033 Phát triển nghề nghiệp -----2[1.1.4]

- + Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để định hướng nghề nghiệp một cách hiệu quả. Sinh viên được tìm hiểu các mô hình phát triển nghề nghiệp, phương pháp tự nhận diện điểm mạnh – điểm yếu của bản thân, và các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc. Nội dung môn học còn giới thiệu công cụ định hướng nghề nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm từ chuyên gia, giúp sinh viên hình thành kế hoạch phát triển nghề nghiệp phù hợp. Qua đó, sinh viên có thể đưa ra lựa chọn đúng đắn về ngành nghề, chuẩn bị cho tương lai học tập và sự nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

BA13010 Thị trường chứng khoán -----2[1.1.4]

- + Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thị trường chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán như: Hàng hóa giao dịch trên thị trường chứng khoán; Chủ thể tham gia trên thị trường; Cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá được các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu.

BA23007 Nghiên cứu thị trường -----2[1.1.4]

- + Môn học trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu thị trường. Sinh viên sẽ biết được quy trình nghiên cứu thị trường, biết xác định vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp thu thập dữ liệu, phân tích xử lý dữ liệu và báo cáo kết quả nghiên cứu trong một dự án nghiên cứu thị trường. Bên cạnh những vấn đề lý thuyết, môn học cũng tập trung vào các vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghiên cứu thị trường của doanh nghiệp.

- BA29006 Thương mại điện tử -----2[1.1.4]
- + Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về thương mại điện tử và các hình thức kinh doanh trên mạng Internet, đặc tính thị trường và hành vi khách hàng trên mạng Internet. Qua môn học, sinh viên có những kiến thức căn bản về các mô hình kinh doanh trên mạng, các công cụ tiếp thị trực tuyến và các hình thức thanh toán an toàn bảo mật. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp quy trình xây dựng website, các yếu tố cần có cho một website, các phương thức thanh toán và các hình thức quảng cáo hiệu quả.
- BA29007 Marketing kỹ thuật số-----2[1.1.4]
- + Môn học này giới thiệu cho sinh viên khái niệm, đặc điểm và tầm quan trọng của marketing kỹ thuật số trong môi trường kinh doanh hiện nay. Ngoài ra, môn học giành phần lớn nội dung phân tích đặc điểm của khách hàng trực tuyến và hoạt động marketing thông qua các công cụ điện tử như: công cụ tìm kiếm, mạng xã hội, email, web liên kết hay trên các thiết bị di động. Qua đó, sinh viên có thể hiểu và vận dụng các công cụ này vào quá trình lập kế hoạch marketing kỹ thuật số.
- BA39012 Ngân hàng thương mại -----3[2.1.6]
- + Môn học sẽ giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng thương mại. Đồng thời, trang bị những kiến thức về quản lý tài sản nợ, quản lý tài sản có, quản lý vốn tự có, quản trị rủi ro trong các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng và các vấn đề liên quan đến thu nhập, chi phí, lợi nhuận của ngân hàng thương mại.
- BA39013 Thanh toán quốc tế -----3[2.1.6]
- + Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế.
- TO09016 Thiết kế sản phẩm du lịch sức khỏe -----2[1.1.4]
- + Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và thực tiễn về việc xây dựng, thiết kế và phát triển các sản phẩm du lịch gắn liền với chăm sóc sức khỏe. Nội dung tập trung vào việc phân tích nhu cầu khách hàng, xu hướng du lịch sức khỏe trong nước và quốc tế, kết hợp các yếu tố văn hóa, thiên nhiên, y học cổ truyền, spa, yoga và trị liệu để hình thành sản phẩm đặc thù. Sinh viên được hướng dẫn quy trình thiết kế sản phẩm du lịch từ ý tưởng, xây dựng chương trình, định giá, tổ chức triển khai và đánh giá hiệu quả.
 - + Thông qua môn học, sinh viên rèn luyện kỹ năng sáng tạo, phân tích thị trường, tổ chức dịch vụ và quản lý trải nghiệm khách hàng, từ đó có khả năng thiết kế các sản phẩm du lịch sức khỏe độc đáo, phù hợp với xu thế phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.
- BA13158 Quản trị Dịch vụ-----3[2.1.6]
- + Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý và lý thuyết về quản trị các hoạt động dịch vụ. Chủ đề chính về quản trị các hoạt động dịch vụ sẽ được nghiên cứu theo quan điểm tích hợp với trọng tâm là sự hài lòng của khách hàng và cung cấp dịch vụ. Khu vực dịch vụ là khu vực phát triển nhanh nhất trong những năm gần đây trên thế giới, và các công ty dịch vụ có những đặc điểm độc đáo đặt ra những thách thức cho các nhà quản trị.
 - + Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm và công cụ cần thiết để hiểu được những đặc điểm này và cung cấp các giải pháp cho các vấn đề quản trị quan trọng. Các chủ đề được thảo luận bao gồm am hiểu và mô tả các hệ thống dịch vụ, chiến lược dịch

vụ, thiết kế dịch vụ, tiếp xúc dịch vụ, định vị và bài trí cơ sở dịch vụ, quản trị và cải thiện chất lượng dịch vụ, quản trị cung cầu dịch vụ và quản trị các hàng chờ.

BA23159 TT_BTTN_Marketing giữa các tổ chức -----3[2.1.6]

- + Marketing giữa các tổ chức (B2B) khác rõ rệt so với marketing sản phẩm và dịch vụ là hướng đến người tiêu dùng cuối cùng; hành vi mua của tổ chức khác với cách thức một người tiêu dùng cuối cùng đưa ra quyết định mua. Môn học nhấn mạnh môi trường kinh doanh và marketing công nghiệp, hành vi người mua, đánh giá các cơ hội marketing, thiết lập các chiến lược sản phẩm, định giá, phân phối và khuyến mại giữa các tổ chức và các doanh nghiệp.

[BA03151] Thực tập tốt nghiệp-----3[0.0.3]

- + Thực tập tốt nghiệp là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả sinh viên thực hiện vào học kỳ cuối cùng của chương trình đào tạo. Sinh viên tham gia vào hoạt động thực tế tại doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp để quan sát, tìm hiểu và trình bày báo cáo thực tập về một hoạt động cụ thể thuộc một trong các lĩnh vực như là kế toán, tài chính, quản trị nguồn nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị chiến lược, marketing v.v ...

[BA03153] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp-----7[0.7.7]

- + Khóa luận là học phần tạo điều kiện cho sinh viên tham gia, tìm hiểu, khảo sát hoạt động thực tế tại doanh nghiệp, đồng thời áp dụng các kiến thức, công cụ nhằm đề xuất giải pháp cụ thể liên quan đến một trong các lĩnh vực: kế toán, quản trị nguồn nhân lực, chiến lược, marketing, ngoại thương.

16. Chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật và thông qua:

- + Cập nhật lần 01: -----Tháng 08/2017
- + Cập nhật lần 02 (Thay đổi nhóm môn chính trị): -----Tháng 09/2019
- + Cập nhật lần 03 (Thay đổi nhóm môn tự chọn, môn khác): -----Tháng 05/2020
- + Cập nhật lần 04 (Hiệu chỉnh chuẩn đầu ra): -----Tháng 11/2020
- + Cập nhật lần 05 (Hiệu chỉnh chuẩn đầu ra): -----Tháng 10/2022
- + Cập nhật lần 06 (Hiệu chỉnh chuẩn đầu ra, phát triển thêm hướng chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng, nội dung môn học Tiếng Anh): -----Tháng 09/2023
- + Cập nhật lần 07 (Thay đổi nội dung môn Giáo dục thể chất): -----Tháng 09/2024
- + Cập nhật lần 08 (Thay đổi nội dung CTĐT – không phân chuyên ngành; thay đổi kế hoạch, thời gian đào tạo; cập nhật quy chế quản lý đào tạo; phương pháp giảng dạy; phương pháp kiểm tra đánh giá; thay đổi tóm tắt môn học)-----Tháng 09/2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

BAN CHỦ NHIỆM KHOA

HIỆU TRƯỞNG

TS. Ngô Thị Thu

PGS. TS. Cao Hào Thi

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮC BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT								PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NEU CÓ) phỏng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN		
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TH/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TH/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN		HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI					
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	THỜI GIAN K/TRA - THI				
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
01	HK1	BA13901	Toán ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	30	60	TL	TL	90	90	[LT]	[BA01]	
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
03	HK1	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]	
04	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
05	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
06	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA01]	
07	HK1	BA39002	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA03]	
08	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
09	HK2	BA19009	Thông kê trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	90	[LT]	[BA01]	
10	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
11	HK2	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
12	HK2	BA19002	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA01]	
13	HK2	BA49001	Quản trị học	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN+TL	30-45	60-75	[LT]	[BA04]	
14	HK2	BA39001	Nguyên lý kế toán	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	75	75	[LT]	[BA03]	
15	HK2	BA49004	Luật kinh tế	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TN	45-60	60	[LT]	[BA04]	
16	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
17	HK3	BA19008	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	20	30	50	TH	TL	60	60	[LP]	[BA01]	
18	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
19	HK3	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
20	HK3	BA43018	Chuyên đề Khởi nghiệp	[3]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	10	30	60	BC	BC	10-15	20-25	[LT]	[BA04]	
21	HK3	BA29001	Marketing căn bản	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN+TL	TN+TL	45-60	60	[LT]	[BA02]	
22	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	15	35	50	TN+TL	TN+TL	90	90	[LT]	[BA01]	
23	HK3	BA49003	Giao tiếp kinh doanh	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TN+TL	60	75-90	[LT]	[BA04]	
24	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	100	0	TH+TN	0	0	[QP]	[MI00]	
25	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
26	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]	
27	HK4	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
28	HK4	BA49011	Đạo đức và văn hóa kinh doanh	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[BA04]
29	HK4	BA39003	Thuế	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	20	30	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA03]	
30	HK4	BA49007	Quản trị hành chính văn phòng	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45-60	60-70	[LT]	[BA04]	
31	HK4	BA49008	Hành vi tổ chức	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	45-60	60-75	[LT]	[BA04]	
32	HK4	BA39009	Quản trị tài chính 1	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]	
33	HK5	BA39010	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TN+TL	60	75-90	[LT]	[BA03]	
34	HK5	BA49010	Quản trị nguồn nhân lực	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN+TL	30-45	75	[LT]	[BA04]	
35	HK5	BA09032	Lãnh đạo và quản trị sự thay đổi	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	0	0	0	0	[LT]	[BA04]	
36	HK5	BA29004	Quản trị marketing	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	90	[LT]	[BA02]	
37	HK5	BA29004	Quản trị bán hàng	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	90	[LT]	[BA02]	
38	HK6	BA43017	Quản trị rủi ro	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	20	60	TL	TL	45	75	[LT]	[BA04]	
39	HK6	BA49009	Nghiệp vụ ngoại thương	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	20	60	TN	TN	45	60	[LT]	[BA04]	
40	HK6	BA19006	Quản trị chuỗi cung ứng	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	90	[LT]	[BA01]	
41	HK6	BA19007	Quản trị vận hành	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	30	60	TN+TL	TN+TL	50	75	[LT]	[BA01]	
42	HK6	BA13011	Quản trị dự án	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90										

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ										PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN	
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ			
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
12	HK7_TC	BA13158	TT_BTIN_Quản trị dịch vụ	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TN+TL	TN+TL	60	90	[LT]	[BA01]

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

- [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
- [0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
- [0.2] Giáo dục thể chất
- Kiến thức giáo dục đại cương
- [1] Khoa học tự nhiên
- [2] Khoa học xã hội nhân văn
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
- [3] Cơ sở ngành
- [4] Chuyên ngành
- [5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
- [5.1] Thực tập tốt nghiệp
- [5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
- [5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
- [5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

- BB Môn học bắt buộc
- TC Môn học tự chọn
- TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
- Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

- [VD] Thi vấn đáp
- [TN] Thi trắc nghiệm
- [TL] Thi tự luận
- [TH] Thi thực hành
- [BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
- [LA] Luận án / Bảo vệ Luận án
- [DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học
- [CH] Thi trắc nghiệm và tự luận